

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 02/02/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vĩnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Lê Kim Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Vào ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Đức H – Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh của Agribank CN Đ.

Địa chỉ: 109 T, Kp. L, thị trấn I, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A – Sinh năm: 1978, bà Đặng Thị B – SN: 1948.

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Cả hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của đại diện nguyên đơn anh Lê Đức H tại phiên tòa như sau:*

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ và anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B có ký kết ba hợp đồng tín dụng: Hợp

đồng tín dụng số 4604-LAV-201303138 ngày 12/11/2013, số tiền vay 20.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, ngày đến hạn 11/11/2016, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, mục đích vay để đầu tư trồng mía, mua bò; Hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303522 ngày 05/12/2013, số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, ngày đến hạn 05/01/2016, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, mục đích vay mua bò; Hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201502238 ngày 11/08/2015, số tiền vay 46.000.000 đồng, lãi suất 7%/năm, ngày đến hạn 10/8/2016, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, mục đích vay chăn nuôi bò; Các hợp đồng trên đều không đảm bảo bằng tài sản. Tuy nhiên, bên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay đối với ba hợp đồng trên. Tính đến ngày 02/02/2021, phía bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 173.462.850đ (Trong đó số nợ gốc: 95.412.000đ, số nợ lãi: 78.050.850đ).

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn và đã quá hạn hơn 48 tháng. Ngân hàng đã tạo điều kiện, tìm nguồn cho hộ trả nợ hoặc tự bán tài sản để trả nợ vay cho Ngân hàng nhưng anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B vẫn không thực hiện. Ngày 15/6/2016 anh A, bà B đã viết giấy giao tài sản để ngân hàng phát mãi thu hồi nợ vay. Ngân hàng đã tiến hành niêm phong và thông báo bán tài sản. Nhưng khi có người đăng ký mua thì anh A gây khó khăn, không hợp tác, cản trở Ngân hàng bán tài sản thu hồi nợ. Đến nay anh A, bà B vẫn không trả thêm bất kỳ số tiền nào nên nguyên đơn yêu cầu Tòa buộc phía bị đơn anh A, bà B phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi cùng các khoản lãi phát sinh theo ba hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền phát mãi hoặc có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản mà bị đơn đã giao cho Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 400m² đất ở, 5436m² đất trồng cây hàng năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672954, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 131, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 173m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672952, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 338m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672953, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 465, tờ bản đồ 37 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 3491m² đất trồng cây hàng năm khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672955, cấp ngày 04/8/2006 của bà Đặng Thị B để thu hồi nợ. Phía bị đơn vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu sau khi phát mãi giá trị tài sản đảm bảo vẫn không đủ để thu hồi nợ.

* Tại các lời khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn A và bà Đặng Thị B trình bày như sau: Mẹ anh là bà Đặng Thị B có ủy quyền cho anh ký kết ba hợp đồng tín dụng với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ, không nhớ rõ số hợp đồng với số tiền gốc của ba hợp đồng vay là 96.000.000đ, mục đích vay trồng mía, chăn nuôi bò. Tuy nhiên, anh và bà B làm ăn thua lỗ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Sau đó anh A và bà B đã giao tài sản là nhà và đất như đại diện nguyên đơn đã trình bày cho Ngân hàng và Ngân hàng đã niêm phong tài sản từ tháng 8/2016 đến nay, tuy nhiên vì Ngân hàng rao giá tài sản thấp hơn giá trị trên thị trường nên anh và bà B không đồng ý. Nay Ngân hàng yêu

cầu trả số tiền 173.462.850đ anh và bà B có ý kiến như sau: Từ năm 2021, mỗi năm sẽ trả nợ từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ và đề nghị Ngân hàng không tính lãi suất từ thời điểm Ngân hàng đã niêm phong tài sản. Đến cuối năm 2023 sau khi thu hoạch keo xong sẽ trả hết nợ cho Ngân hàng.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên có ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS; Điều 319, 342, 343, 344, 355, 721 BLDS năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Văn A và bà Đặng Thị B phải chịu tiền án phí KDTM-ST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ (Agribank CN Đ) có đơn khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B trú tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Agribank CN Đ và anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B được thực hiện hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch đều tuân thủ đúng pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Hợp đồng ký kết giữa hai bên với mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS; Điều 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Agribank CN Đ yêu cầu anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B hoàn trả cho Agribank CN Đ số tiền 173.462.850đ (Trong đó số nợ gốc: 95.412.000đ, số nợ lãi: 78.050.850đ) theo ba Hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303138 ngày 12/11/2013, hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303522 ngày 05/12/2013, hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201502238 ngày 11/08/2015 mà anh A, bà B đã ký kết với Agribank CN Đ và lãi phát sinh tính từ ngày 03/02/2021 cho đến khi anh A, bà B trả nợ xong cho Agribank CN Đ theo lãi suất thỏa thuận trong ba Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Giữa Agribank CN Đ và anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B có ký kết 03 hợp đồng tín dụng, lần lượt là Hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303138 ngày 12/11/2013, hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303522 ngày 05/12/2013, hợp

đồng tín dụng số 4604-LAV-201502238 ngày 11/08/2015 với số tiền vay 96.000.000đ. Qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của bị đơn thể hiện phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ba hợp đồng tín dụng trên, Agribank CN Đ đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở để anh A, bà B thanh toán nhưng anh A, bà B vẫn không thực hiện. Ngày 15/6/2016 anh A, bà B đã đồng ý giao tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 400m² đất ở, 5436m² đất trồng cây hàng năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672954, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 131, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 173m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672952, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 338m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672953, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 465, tờ bản đồ 37 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 3491m² đất trồng cây hàng năm khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672955, cấp ngày 04/8/2006 của bà Đặng Thị B cho Agribank – CN Đ bán tài sản để thu hồi nợ nhưng trong quá trình rao bán thì bị đơn anh A, bà B không đồng ý với giá mà Agribank – CN Đ đưa ra nên đã gây khó khăn, dẫn đến việc chưa bán được tài sản đã niêm phong. Từ thời điểm niêm phong đến nay anh A, bà B không trả cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Tính đến ngày 02/02/2021 anh A, bà B còn nợ Agribank – CN Đ các khoản sau: Hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303138 ngày 12/11/2013 nợ gốc 20.000.000đ, nợ lãi 17.663.333đ; Hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303522 ngày 05/12/2013 nợ gốc 30.000.000đ, nợ lãi 35.460.000đ; Hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201502238 ngày 11/08/2015 nợ gốc 45.412.000đ, nợ lãi 24.927.517đ. Tổng cộng số tiền nợ tính đến ngày 02/02/2021 của ba khoản vay là 173.462.850đ (Trong đó tổng số nợ gốc: 95.412.000đ, tổng số nợ lãi: 78.050.850đ). Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Agribank – CN Đ. Buộc bị đơn anh A, bà B phải trả cho nguyên đơn số tiền 173.462.850đ (Trong đó tổng số nợ gốc: 95.412.000đ, tổng số nợ lãi: 78.050.850đ) theo thỏa thuận tại ba hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Kể từ ngày 03/02/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn còn pA trả tiền lãi, lãi phạt quá hạn trên số nợ gốc đã thỏa thuận tại ba hợp đồng tín dụng nêu trên.

Anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B có trách nhiệm giao các tài sản Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 400m² đất ở, 5436m² đất trồng cây hàng năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672954, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 131, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 173m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672952, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 338m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672953, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 465, tờ bản đồ 37 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 3491m² đất trồng cây hàng năm khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG

672955, cấp ngày 04/8/2006 của bà Đặng Thị B theo biên bản giao tài sản lập ngày 15/6/2016 giữa anh A, bà B và Agribank – CN Đ cho Agribank – CN Đ phát mãi tài sản để thu hồi nợ. Bị đơn vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu sau khi Agribank – CN Đ bán tài sản mà giá trị tài sản vẫn không đủ để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn A, bà Đặng thị B có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng là $(173.462.850đ \times 5\%) = 8.674.000$ (Đã làm tròn số).

Hoàn lại cho nguyên đơn Agribank – CN Đ số tiền 4.075.000đ đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 2, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 319, 342, 343, 344, 355, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B có trách nhiệm trả cho Agribank – CN Đ số tiền 173.462.850 đồng (*Một trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm năm mươi đồng*, trong đó tổng số nợ gốc là 95.412.000 đồng (*Chín mươi lăm triệu bốn trăm mười hai ngàn đồng*), tổng số nợ lãi tính đến ngày 02/02/2021 là 78.050.850 đồng (*Bảy mươi tám triệu không trăm năm mươi ngàn tám trăm năm mươi đồng*)).

Kể từ ngày 03/02/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc, anh A, bà B còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất tại ba hợp đồng tín dụng 4604-LAV-201303138 ngày 12/11/2013, hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201303522 ngày 05/12/2013, hợp đồng tín dụng số 4604-LAV-201502238 ngày 11/08/2015 hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Trường hợp bị đơn anh A, bà B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn Agribank – CN Đ được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ phát mãi tài sản của bị đơn để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 197, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 400m² đất ở, 5436m² đất trồng cây hàng năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672954, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 131, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 173m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672952, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ 46 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 338m² đất trồng lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672953, cấp ngày 04/8/2006; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 465, tờ bản đồ 37 tại thôn 2, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Yên, diện tích 3491m² đất trồng cây hàng

năm khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 672955, cấp ngày 04/8/2006 của bà Đặng Thị B. Bị đơn vẫn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nếu sau khi phát mãi giá trị tài sản vẫn không đủ để thu hồi nợ.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn A, bà Đặng Thị B phải chịu 8.674.000 (*Tám triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn* đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Đ số tiền 4.075.000 đồng (*Bốn triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2015/0011400 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh PY;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện ĐX;
- Chi cục THADS huyện ĐX;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Vĩnh Long